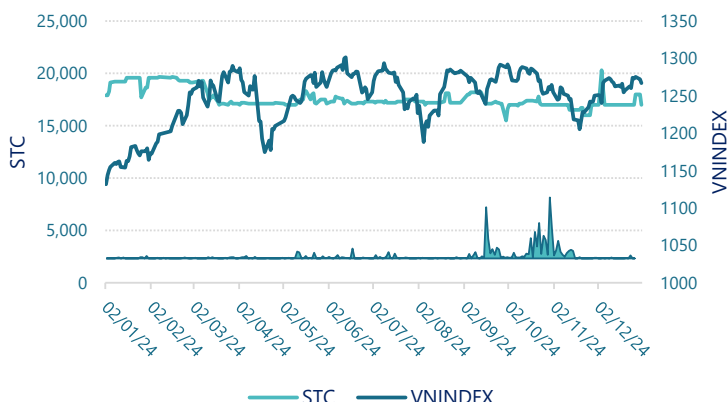


CTCP Sách và Thiết bị trường học Thành phố Hồ Chí Minh (HNX: STC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	17,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	20,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	15,500
SL cổ phiếu LH	5,665,530
KLGD BQ 20 phiên (CP)	620
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	96
P/E	6.7
EPS	2,527

DT thuần

Q4/24

177

tỷ VNĐ

QoQ: ▼9.00| -5.1%

YoY: ▲6.00| 3.3%

LN sau thuế

Q4/24

7.34

tỷ VNĐ

QoQ: ▲3.60| 96.2%

YoY: ▲2.02| 37.9%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

3.6%

DT thuần

2024

490

tỷ VNĐ

YoY: ▼13.0| -2.6%

LN sau thuế

2024

14.9

tỷ VNĐ

YoY: ▼0.60| -4.0%

ROE

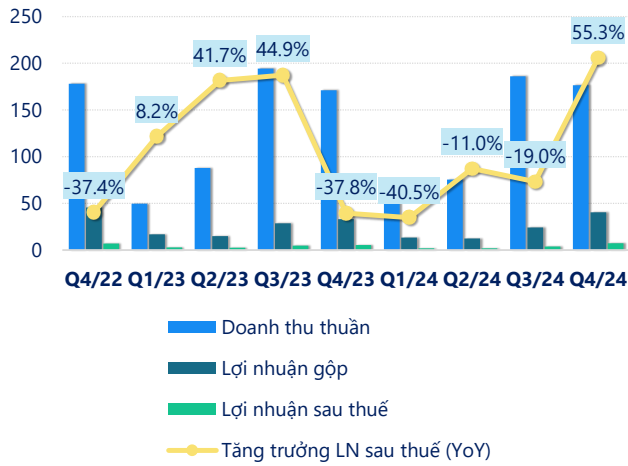
2024

10.4%

+/- YoY: ▼0.6%

tỷ VNĐ

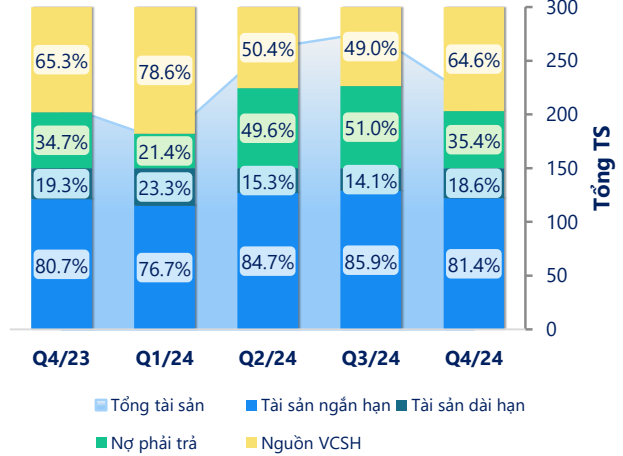
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

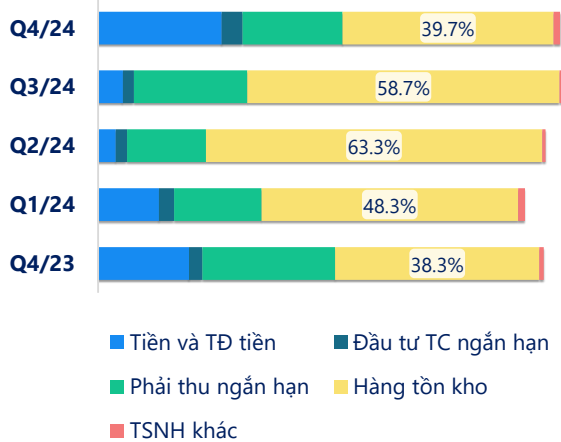
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



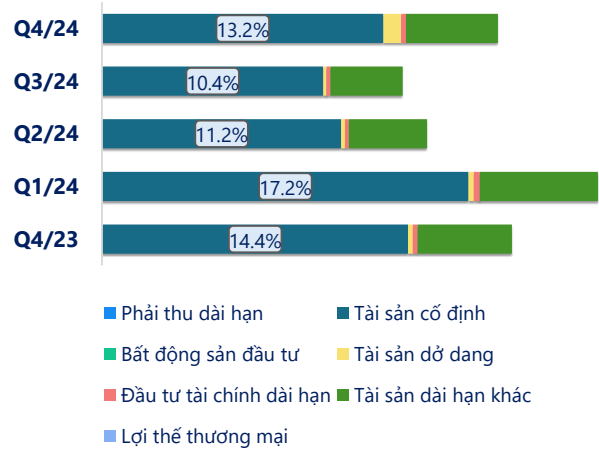
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

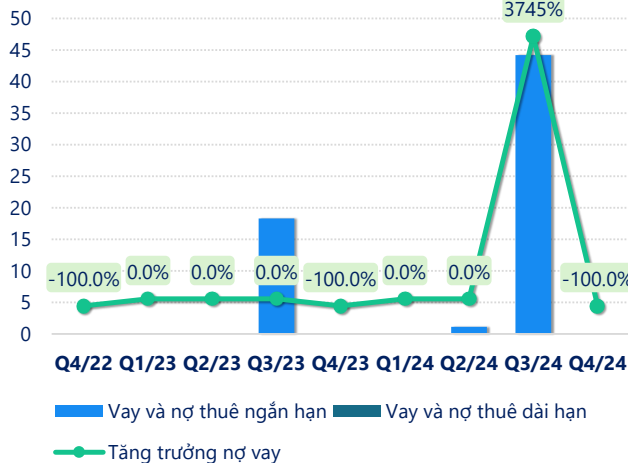
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

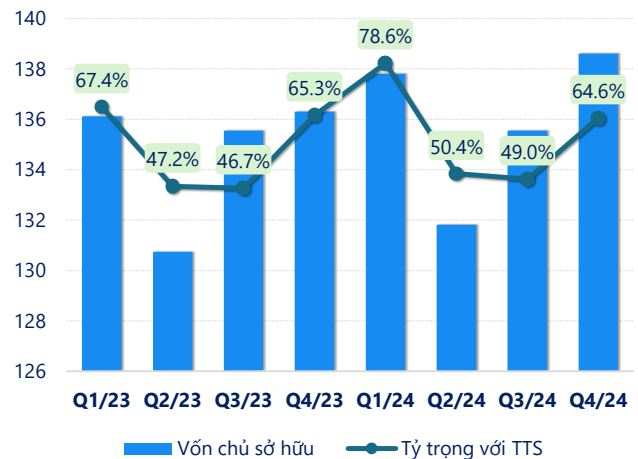
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn

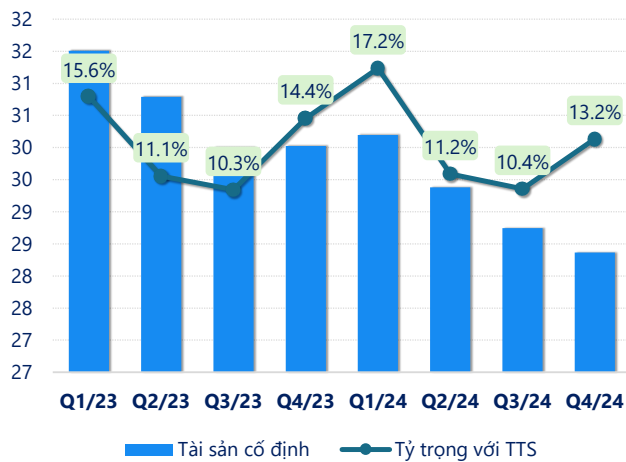

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho

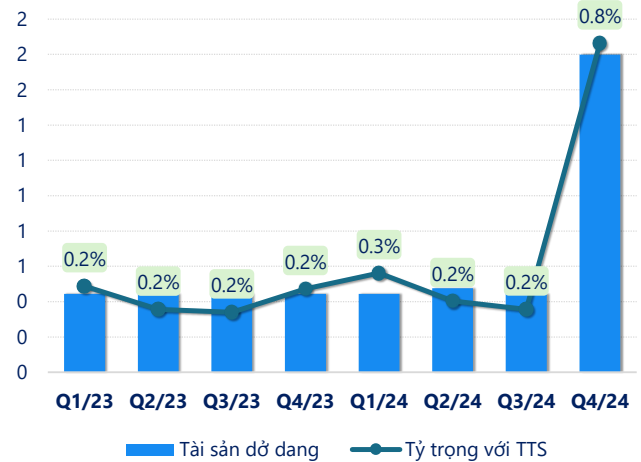

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

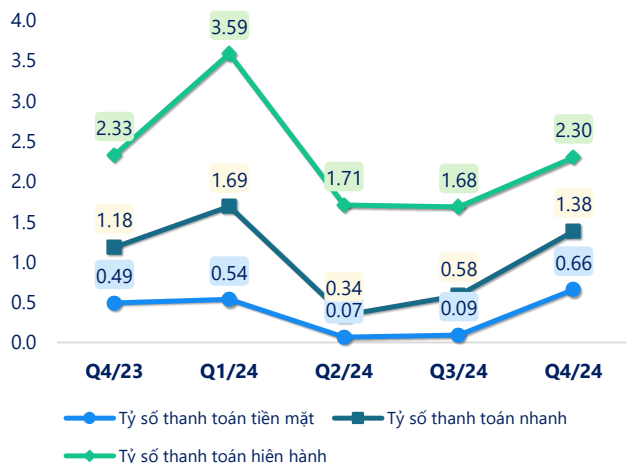
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

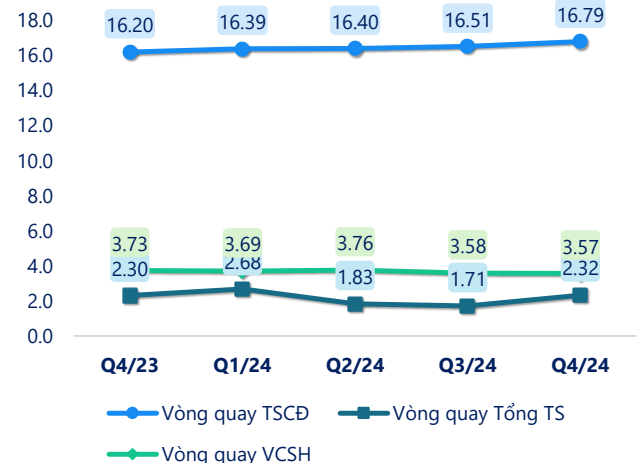
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	209	175	261	276	215
Tài sản ngắn hạn	168	134	222	237	175
Tiền và tương đương tiền	35.6	20.1	8.65	13.0	49.9
Đầu tư tài chính ngắn hạn	8.11	8.11	8.30	8.30	13.0
Phải thu ngắn hạn	39.2	33.1	26.1	58.4	38.9
Hàng tồn kho	82.8	71.1	177	155	69.6
Tài sản ngắn hạn khác	2.63	2.07	0.93	2.54	3.17
Tài sản dài hạn	40.2	40.9	40.0	39.1	39.9
Phải thu dài hạn	0.02	0.02	0.02	0.02	0.02
Tài sản cố định	30.0	30.2	29.4	28.7	28.4
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.44	0.44	0.48	0.44	1.80
Đầu tư tài chính dài hạn	0.49	0.49	0.49	0.49	0.49
Tài sản dài hạn khác	9.25	9.75	9.62	9.38	9.27
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	72.4	37.6	130	141	75.9
Nợ ngắn hạn	72.3	37.5	130	141	75.9
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	1.15	44.2	0
Phải trả người bán ngắn hạn	24.6	12.1	105	60.6	30.8
Nợ dài hạn	0.08	0.08	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	136	138	132	136	139
Vốn chủ sở hữu	136	138	132	136	139
Vốn điều lệ	56.7	56.7	56.7	56.7	56.7
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)